

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1525 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị,
cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BXD ngày 18 tháng 12 năm 2024 hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Xây dựng ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Xây dựng ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Xây dựng ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chiếu sáng đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1311/SXD-HTKT ngày 29 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các định mức kinh tế - kỹ thuật sau:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị tại Phụ lục I.
- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị tại Phụ lục II.
- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chiếu sáng đô thị tại Phụ lục III.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K14.

Chức

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn TỰ Công Hoàng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ**

*(Phụ lục I kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định)*

Năm 2025

PHẦN I

NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và xe, máy, thiết bị thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ thoát nước đô thị. Trong đó:

a) Mức hao phí vật liệu:

Là số lượng vật liệu (không kể vật liệu cần dùng cho máy, thiết bị và vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị. Mức hao phí vật liệu quy định trong tập định mức này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

b) Mức hao phí nhân công:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị.

Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ thoát nước đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Cấp bậc nhân công trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị.

c) Mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công:

Là số ca máy và thiết bị trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ thoát nước đô thị.

2. Kết cấu của tập định mức

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác dịch vụ thoát nước đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị gồm 3 chương:

- Chương I: Nạo vét bùn bằng thủ công
- Chương II: Nạo vét bùn bằng cơ giới
- Chương III: Công tác khác

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Chương I

NẠO VẾT BÙN BẰNG THỦ CÔNG

TN1.10000 Nạo vét bùn cống, hố ga bằng thủ công

TN1.11100 Nạo vét bùn cống ngầm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Mở nắp hố ga, chờ khí độc bay đi.
- Dùng quả găng luồn qua cống, gạt bùn về hố ga.
- Chui vào lòng cống bốc, xúc bùn vào trong xô, vận chuyển bùn ra (đối với các tuyến cống có đường kính lớn có thể chui vào lòng cống để bốc, xúc bùn).
- Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển.
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm cự ly bình quân 1000m.
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 1

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính cống (mm)			
				<300	>300 ÷ ≤600	>600 ÷ 1000	>1000
TN1.111	Nạo vét bùn cống ngầm	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	5,812	5,643	5,427	5,292
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T		0,113	0,110	0,105	0,102
			ca	10	20	30	40

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 1 áp dụng đối với cống tròn và các loại cống khác có tiết diện tương đương. Lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét: $\leq 1/3$ tiết diện cống ngầm. Trường hợp lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét $> 1/3$ tiết diện cống thì định mức hao phí tại bảng trên điều chỉnh với hệ số $K = 0,80$.

2/ Định mức hao phí nhân công tại Bảng số 1 tương ứng với đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,92$
- + Đô thị loại II : $K = 0,85$
- + Các loại đô thị loại III ÷ V : $K = 0,78$

3/ Trường hợp cự ly trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm có cự ly bình quân khác với cự ly quy định (1000m) thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Cự ly trung chuyển 1500m : $K = 1,15$
- + Cự ly trung chuyển 2000m : $K = 1,27$

4/ Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,87$.

5/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 1 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN1.12100 Nạo vét bùn hố ga.*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Mở nắp hố ga, cây tấm đan, chờ khí độc bay đi.
- Nạo vét bùn trong hố ga.
- Xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển.
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 2Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN1.121	Nạo vét bùn hố ga	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	4,25
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,11
				10

Ghi chú:

1/ Định mức hao phí nhân công tại Bảng số 2 tương ứng với đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

+ Đô thị loại I: $K = 0,92$

+ Đô thị loại II : $K = 0,85$

+ Các loại đô thị loại III ÷ V: $K = 0,78$

2/ Trường hợp cự ly trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm có cự ly bình quân khác với cự ly quy định (1000m) thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

+ Cự ly trung chuyển 1500m : $K = 1,15$

+ Cự ly trung chuyển 2000m : $K = 1,27$

3/ Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,87$.

4/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 2 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN 1.13100 Nạo vét bùn cống hộp nổi*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Mở nắp hầm ga chờ khí độc bay đi.
- Nạo vét bùn, xúc bùn vào xô, đưa lên và đổ vào phương tiện trung chuyển.
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 1000m.
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 3Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN1.131	Nạo vét bùn cống hộp nổi	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	5,3
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,102
				10

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 3 áp dụng đối với cống hộp nổi kích thước $B \geq 300\text{mm} \div 1000\text{mm}$; $H \geq 400\text{mm} \div 1000\text{mm}$. Lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét: $\leq 1/3$ tiết diện cống hộp nổi. Trường hợp lượng bùn có trong cống trước khi nạo vét $> 1/3$ tiết diện cống thì định mức hao phí tại bảng trên điều chỉnh với hệ số $K = 0,80$.

2/ Định mức hao phí nhân công tại Bảng số 1 tương ứng với đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,92$
- + Đô thị loại II : $K = 0,85$
- + Các loại đô thị loại III ÷ V : $K = 0,78$

3/ Trường hợp cự ly trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm có cự ly bình quân khác với cự ly quy định (1000m) thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Cự ly trung chuyển 1500m : $K = 1,15$
- + Cự ly trung chuyển 2000m : $K = 1,27$

4/ Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,87$.

5/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 3 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN1.20000 Nạo vét bùn mương bằng thủ công**TN1.21100 Mương có chiều rộng $\leq 6\text{m}$.***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Nạo vét bùn dưới lòng mương, xúc vào xô, chuyển bùn lên thuyền.
- Kéo thuyền bùn dọc mương (cự ly $\leq 300\text{m}$) chuyển bùn lên bờ đổ lên phương tiện trung chuyển.
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 150m.
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 4Đơn vị tính: m^3 bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Mương không có hành lang, lõi vào	Mương có hành lang, có lõi vào
TN1.211	Nạo vét bùn mương bằng thủ công, mương có chiều rộng $\leq 6\text{m}$	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	4,56	3,94
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T	ca	0,102	0,102
				10	20

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 4 quy định tương ứng với lượng bùn trong mương trước khi nạo vét có độ sâu $\leq 1/3$ độ sâu của mương (từ mặt nước đến đáy mương). Nếu lượng bùn trong mương trước khi nạo vét $> 1/3$ độ sâu của mương (từ mặt nước đến đáy mương) thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số $K = 0,75$.

2/ Định mức hao phí nhân công tại Bảng số 4 tương ứng với đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,92$
- + Đô thị loại II: $K = 0,85$
- + Các loại đô thị loại III ÷ V: $K = 0,78$

3/ Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,85$.

4/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 4 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN1.22100 Mương có chiều rộng > 6m.*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Bắ cầu công tác.
- Nạo vét bùn dưới lòng mương, xúc vào xô, chuyển bùn lên thuyền.
- Kéo thuyền bùn dọc mương (cự ly $\leq 300\text{m}$) chuyển bùn lên bờ đổ lên phương tiện trung chuyển.
- Trung chuyển bùn tới nơi tập kết tạm với cự ly bình quân 150m.
- Xúc bùn từ phương tiện trung chuyển vào thùng chứa bùn để ở nơi tập kết tạm.
- Vận chuyển bùn bằng ô tô chuyên dụng chở bùn 4T về bãi đổ quy định.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 5

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đơn vị tính: m ³ bùn	
				Số lượng	
				Mương không có hành lang, lõi vào	Mương có hành lang, có lõi vào
TN1.221	Nạo vét bùn mương bằng thủ công, mương có chiều rộng > 6m	<i>Nhân công:</i>	công ca	4,44	3,81
		- Bạc thợ 3,5/7 <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		0,102	0,102
		- Xe ô tô chuyên dụng chở bùn 4T		10	20

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 5 quy định tương ứng với lượng bùn trong mương trước khi nạo vét có độ sâu $\leq 1/3$ độ sâu của mương (từ mặt nước đến đáy mương). Nếu lượng bùn trong mương trước khi nạo vét $> 1/3$ độ sâu của mương (từ mặt nước đến đáy mương) thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số $K = 0,75$.

2/ Định mức hao phí nhân công tại Bảng số 5 tương ứng với đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,92$
- + Đô thị loại II: $K = 0,85$
- + Các loại đô thị loại III ÷ V: $K = 0,78$

3/ Trường hợp không phải trung chuyển bùn thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,85$.

4/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 5 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

Chương II

NẠO VẾT Bùn BẰNG CƠ GIỚI

TN2.10000 Nạo vét bùn cống ngầm bằng cơ giới

TN2.11100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi.
- Hút bùn ở hố ga và chui vào lòng cống để hút.
- Xả nước.
- Hút đầy téc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 6

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.111	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn	<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4,0/7	công	0,25
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe hút bùn 3T	ca	0,083
				10

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 6 áp dụng với cống tròn có đường kính $\geq 700\text{mm}$ và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

2/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 6 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L \leq 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN2.12100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi.
- Bơm nước từ xe téc chở nước vào xe phun nước phản lực và bình chứa của xe hút chân không.
- Lắp ống cho xe hút chân không, lắp vòi phun cho xe phun nước phản lực.
- Hút bùn ở hố ga, lắp đặt bộ giá để định hướng đầu phun nước.
- Tiến hành phun nước để dồn bùn ra hố ga; hút bùn tại hố ga. Tiếp tục thực hiện thao tác phun nước, dồn bùn ra hố ga, hút bùn tại hố ga đồng thời tách nước trên xe téc chở bùn đến khi bùn đầy téc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 7

Đơn vị tính: 1 m dài

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.121	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,3066
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4,0/7	công	0,0901
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe phun nước phản lực	ca	0,0135
		- Xe hút chân không 4t	ca	0,0135
		- Xe téc chở bùn 4T	ca	0,02436
		- Xe téc chở nước 4m3	ca	0,0189
		- Máy khác	%	1,0
				10

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 7 áp dụng với cống tròn có đường kính 0,3m-0,8m, cống hộp, bản có chiều rộng đáy từ 0,3m-0,8m và các loại cống khác có tiết diện tương đương. Đối với các cống hoặc đường ống các loại có kích thước < 0,3m thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số K = 0,7.

2/ Tuyến cống được đưa vào nạo vét khi lượng bùn trong cống trước khi nạo vét $\geq 1/4$ đường kính cống đối với cống tròn hoặc chiều cao của cống bản.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 7 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L < 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN2.13100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn chân không 8 tấn kết hợp với các thiết bị khác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi; hút bùn tại hố ga.
- Chặn hai đầu đoạn cống cần thi công tại 2 hố ga bằng các túi đựng cát.
- Lắp ống cho xe hút chân không.
- Bơm nước cho đến khi công nhân có thể thi công được trong lòng cống.
- Hút bùn trong cống đồng thời tách nước trên xe téc chở bùn đến khi bùn đầy téc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 8

Đơn vị tính: 1 m dài

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.131	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút chân không 8 tấn kết hợp với các thiết bị khác	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,042
		- Bao tải cát	bao	0,56
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4,0/7	công	0,17
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe hút chân không 8T	ca	0,0286
		- Xe téc chở bùn 4T	ca	0,05096
		- Xe téc nước 4m3	ca	0,0035
		- Xe tải cầu 4T	ca	0,01001
		- Máy phát điện 30KVA	ca	0,02002
		- Bơm chìm 30KVA	ca	0,01743
		- Máy khác	%	1,5
				10

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 8 áp dụng với cống tròn có đường kính 0,8m-1,2m, cống hộp, bản có chiều rộng đáy từ 0,8m-1,2m và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

2/ Tuyến cống được đưa vào nạo vét khi lượng bùn trong cống trước khi nạo vét $\geq 1/4$ đường kính cống đối với cống tròn hoặc chiều cao của cống bản.

Các cống phải đảm bảo mực nước cho phép người công nhân có thể chui vào cống để thi công được.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 8 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN2.14100 Nạo vét bùn cống ngầm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường, cọc phân cách ranh giới và điều tiết đảm bảo an toàn giao thông suốt quá trình thi công.
- Chuẩn bị dụng cụ, lắp đặt vòi hút, ống hút, chuẩn bị vòi bơm, máy bơm, mở nắp ga, chờ khí độc bay đi; hút bùn tại hố ga.
- Luồn dây cáp hoặc gầu mức từ hố ga này đến hố ga kế tiếp.
- Vận hành tời chính và tời phụ dồn bùn từ trong cống về hố ga công tác bằng đĩa di chuyển trong lòng cống.
- Hút bùn tại hố ga đồng thời tách nước trên xe təc chở bùn đến khi bùn đầy təc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn.
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn cống cần thi công.
- Đóng nắp ga, vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 9

Đơn vị tính: 1m dài

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.141	Nạo vét bùn cống ngầm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,084
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 4,0/7	công	0,3075
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Máy tời 3,7kW	ca	0,0615
		- Xe hút chân không 4T	ca	0,0615
		- Xe təc chở bùn 4T	ca	0,0861
		- Xe təc nước 4m ³	ca	0,007
		- Xe tải có cần cẩu 3T	ca	0,02499
		- Máy khác	%	1,5
				10

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 9 áp dụng với cống tròn có đường kính 1,2m <Φ< 2,5m, cống hộp, bản có chiều rộng đáy 1,2m <B< 2,5m và các loại cống khác có tiết diện tương đương.

2/ Tuyền cống được đưa vào nạo vét khi lượng bùn trong cống trước khi nạo vét ≥ 1/4 đường kính cống đối với cống tròn hoặc chiều cao của cống bản.

3/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 9 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L \leq 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

TN2.21100 Nạo vét bùn mương thoát nước bằng xe hút chân không kết hợp với các thiết bị khác

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Di chuyển, đưa máy, thiết bị vào vị trí thi công.
- Đặt biển báo hiệu công trường.
- Xác định lượng bùn có trong mương cần thi công
- Lắp ống cho xe hút chân không, vận hành xe hút chân không để hút bùn.
- Hút bùn đồng thời tách nước trên xe təc chở bùn đến khi bùn đầy təc.
- Vận chuyển bùn đến bãi đổ bùn, xả sạch bùn
- Lắp lại các thao tác trên cho đến khi đạt yêu cầu về nạo vét đoạn mương cần thi công.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng làm việc và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 10

Đơn vị tính: m³ bùn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN2.211	Nạo vét bùn mương thoát nước bằng xe hút chân không kết hợp với các thiết bị khác	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,150
		- Bao tải cát	bao	0,250
		- Cọc tre	m	0,025
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 4,0/7	công	0,401
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe hút chân không 4T	ca	0,085
		- Xe təc chở bùn 4T	ca	0,161
		- Xe tải cầu 4T	ca	0,035
		- Xe təc chở nước 4m3	ca	0,035
				10

Ghi chú:

1/ Định mức tại Bảng số 10 áp dụng với mương có chiều rộng <5m. Mương nạo vét có chiều sâu tính từ mặt nước (khoảng < 1m) đảm bảo cho người công nhân có thể lội xuống mương làm việc.

2/ Định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công tại Bảng số 10 tương ứng với cự ly vận chuyển bùn 15km. Trường hợp cự ly vận chuyển bùn thay đổi thì định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly L (km)	Hệ số
$L \leq 10$	0,915
$10 < L < 15$	0,955
$L = 15$	1,000
$15 < L \leq 25$	1,157
$25 < L \leq 35$	1,322
$35 < L \leq 45$	1,433
$45 < L \leq 55$	1,512
$55 < L \leq 65$	1,573

Chương III

CÔNG TÁC KHÁC

TN3.11100 Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp chui lòng cống.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ làm việc, đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông tại hai đầu hố ga đoạn cống kiểm tra.
- Mở nắp hố ga hai đầu đoạn cống, chờ khí độc bay đi.
- Chui xuống cống ngằm, soi đèn kiểm tra, tìm điểm hư hỏng.
- Chặt rễ cây hoặc dùng xẻng bới bùn đất để xác định điểm hư hỏng (nếu cần).
- Đo kích thước đoạn hư hỏng, định vị đoạn hư hỏng.
- Chụp ảnh đoạn hư hỏng, rạn nứt.
- Vệ sinh thu dọn hiện trường, đậy nắp hố ga, đem dụng cụ về vị trí qui định.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng, đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Điều kiện áp dụng:

Cống đã được nạo vét sạch bùn, đảm bảo điều kiện thi công

Bảng số 11

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN3.111	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp chui lòng cống	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 4/7	công	12,75
				10

TN3.21100 Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp gương soi.*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ làm việc, đặt biển báo hiệu công trường, cảnh giới giao thông tại hai đầu hố ga đoạn cống kiểm tra.
- Mở nắp hố ga chờ khí độc bay đi.
- Dùng gương, đèn chiếu soi trong lòng cống từ hai đầu hố ga xác định điểm hư hỏng, vị trí, kích thước các vết nứt, mức độ hư hỏng.
- Vệ sinh thu dọn hiện trường, đóng nắp hố ga.
- Lập bản vẽ sơ họa của tuyến cống. Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng, đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Điều kiện áp dụng:

Cống đã được nạo vét sạch bùn, đảm bảo điều kiện thi công

Bảng số 12

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TN3.211	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp gương soi	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 4/7	công	9,35
				10

TN3.31100 Nhật, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Đi tua dọc hai bên bờ mương, sông để phát hiện phế thải.
- Nhật hết các loại phế thải trên bờ, mái của mương, sông thuộc hành lang quản lý và vun thành đống nhỏ xúc đưa lên phương tiện trung chuyển.
- Nhật, gom phế thải và rau bèo trên mặt nước của mương, sông.
- Dùng thuyền đưa vào bờ và xúc lên phương tiện trung chuyển.
- Vận chuyển phế thải, rau bèo về địa điểm tập kết tạm với cự ly bình quân 150m.
- Xúc phế thải và rau bèo từ vật liệu trung chuyển vào phương tiện để ở nơi tập kết.
- Vệ sinh, thu dọn mặt bằng và tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Bảng số 13

Đơn vị tính: 1km

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều rộng của mương, sông		
				≤ 6 m	≤ 15 m	> 15 m
TN3.311	Công tác nhật, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công	<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	4,00	4,40	5,70
				10	20	30

Ghi chú:

1/ Định mức hao phí nhân công tại Bảng số 13 tương ứng với đô thị loại Đặc biệt. Đối với các đô thị khác, định mức hao phí nhân công điều chỉnh với các hệ số sau:

- + Đô thị loại I: $K = 0,92$
- + Đô thị loại II: $K = 0,85$
- + Các loại đô thị loại III ÷ V: $K = 0,78$

2/ Trường hợp không phải trung chuyển thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $K = 0,85$.

MỤC LỤC

Mã hiệu	Nội dung	Trang
	Phần I: NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ	2
	Phần II: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT	3
	Chương I. NẠO VẾT Bùn BẰNG THỦ CÔNG	3
TN1.10000	Nạo vét bùn cống, hố ga bằng thủ công	3
TN1.11100	Nạo vét bùn cống ngầm	3
TN1.12100	Nạo vét bùn hố ga	5
TN1.13100	Nạo vét bùn cống hộp nổi	7
TN1.20000	Nạo vét bùn mương bằng thủ công	9
TN1.21100	Mương có chiều rộng $\leq 6m$	9
TN1.22100	Mương có chiều rộng $> 6m$	11
	Chương II. NẠO VẾT Bùn BẰNG CƠ GIỚI	13
TN2.10000	Nạo vét bùn cống ngầm bằng cơ giới	13
TN2.11100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn 3 tấn	13
TN2.12100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe phun nước phản lực kết hợp với các thiết bị khác	14
TN2.13100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng xe hút bùn chân không có độ chân không 8 tấn kết hợp với các thiết bị khác	16
TN2.14100	Nạo vét bùn cống ngầm bằng máy tời kết hợp với các thiết bị khác	18
TN2.21100	Nạo vét bùn mương thoát nước bằng xe hút chân không kết hợp với các thiết bị khác	20
	Chương III. CÔNG TÁC KHÁC	22
TN3.11100	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp chui lòng cống	22
TN3.21100	Kiểm tra lòng cống bằng phương pháp gương soi	23
TN3.31100	Nhặt, thu gom phế thải và vớt rau bèo trên mương, sông thoát nước bằng thủ công	24

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ CÂY XANH ĐÔ THỊ**

(Phụ lục II kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định)

Năm 2025

PHẦN I

NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

DỊCH VỤ CÂY XANH ĐÔ THỊ

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và xe, máy, thiết bị thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ cây xanh đô thị. Trong đó:

a) Mức hao phí vật liệu:

Là số lượng vật liệu (không kể vật liệu cần dùng cho xe, máy, thiết bị thi công và vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ cây xanh đô thị. Mức hao phí vật liệu quy định trong tập định mức này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

b) Mức hao phí nhân công:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ cây xanh đô thị.

Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ cây xanh đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác dịch vụ cây xanh đô thị.

c) Mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công:

Là số ca xe, máy, thiết bị thi công trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ cây xanh đô thị.

2. Kết cấu của tập định mức

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác dịch vụ cây xanh đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị bao gồm 3 chương:

- Chương I: Duy trì thảm cỏ
- Chương II: Duy trì cây trang trí
- Chương III: Duy trì cây bóng mát

PHẦN II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

CHƯƠNG I: DUY TRÌ THẨM CỎ

CX1.10000 Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa, tiểu đảo, dải phân cách*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thẩm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

CX1.11000 Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa**CX1.11100 Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước**Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX1.111	Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m ³	0,5	0,5
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3/7	công	0,068	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,061	0,081
				10	20

CX1.11200 Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nướcĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.112	Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,099
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,0297
				10

CX1.12000 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách**CX1.12100 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước**Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX1.121	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m ³	0,6	0,6
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3/7	công	0,099	0,108
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,081	0,097
				10	20

CX1.12200 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nướcĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.122	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,6
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,0324
				10

CX1.21000 Phát cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Phát cỏ thường xuyên, đảm bảo cỏ luôn bằng phẳng và chiều cao cỏ tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phản hoặc dùng liềm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

Yêu cầu kỹ thuật:

Duy trì cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao đồng đều.

CX1.21100 Phát cỏ bằng máyĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.211	Phát cỏ bằng máy	<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,145
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Máy cắt cỏ động cơ xăng 3 CV	ca	0,0603
				10

CX1.21200 Phát cỏ bằng thủ côngĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.212	Phát cỏ bằng thủ công	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ 3,5/7	công	0,45
				10

CX1.31100 Xén lẻ cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi khu vực, theo yêu cầu kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cỏ lá tre	Cỏ nhung
CX1.311	Xén lẻ cỏ	Nhân công: - Bậc thợ 3,5/7	công	0,30	0,45
				10	20

CXI.41100 Làm cỏ tạp*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ theo yêu cầu kỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.411	Làm cỏ tạp	Nhân công: - Bạc thợ 3,5/7	công	0,30
				10

CX1.51100 Trồng dặm cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.

- Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo thảm cỏ sau khi trồng dặm được phủ đều không bị mất khoảng.

Đơn vị tính: 1m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cỏ lá tre	Cỏ nhung
CX1.511	Trồng dặm cỏ	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cỏ	kg	2,5	1,07
		- Nước	m3	0,049	0,015
		- Phân vi sinh	kg	0,2	0,2
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,137	0,077
				10	20

CX1.61100 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn môi trường trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.611	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,015
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,071
				10

CX1.71100 Bón phân cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Rải đều phân trên toàn bộ diện tích cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Sau khi bón phân cỏ phát triển xanh tốt. Đảm bảo không gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX1.711	Bón phân cỏ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	3,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,09
				10

CHƯƠNG II: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ

CX2.10000 Duy trì bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo đủ lượng nước tưới cho cây sinh trưởng tốt.

CX2.11000 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào

CX2.11100 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX2.111	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m ³	0,5	0,5
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3/7	công	0,072	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,065	0,081
				10	20

CX2.11200 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.112	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,145
				10

CX2.113000 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nướcĐơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.113	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,10
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,03
				10

CX2.12100 Thay hoa bồn hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây sau khi trồng đảm bảo phát triển sinh trưởng bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hoa giống	Hoa giỏ
CX2.121	Thay hoa bồn hoa	<i>Vật liệu:</i>			
		- Hoa giống	cây	2500	-
		- Hoa giỏ	giỏ	-	1600
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	3,0	2,7
				10	20

CX2.13100 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn môi trường trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.131	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,015
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,167
				10

CX2.14100 Bón phân và xử lý đất bồn hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- Bón đều phân vào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Sau khi bón phân hoa phát triển xanh tốt. Đảm bảo không gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường.

Đơn vị tính: 100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.141	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	5
		- Thuốc xử lý đất	kg	0,2
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,301
				10

CX2.15100 Duy trì bồn cảnh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Bồn cảnh không còn sâu bệnh, cây phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100m²/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Có hàng rào	Không hàng rào
CX2.151	Duy trì bồn cảnh	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cây cảnh	cây	320	480
		- Phân vi sinh	kg	8,5	12
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,05	0,06
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 3,5/7	công	17,73	22,31
				10	20

CX2.16100 Duy trì cây hàng rào*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.

- Bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây hàng rào đảm bảo liên tục, không đứt đoạn, sắc nét, đảm bảo độ cao, chiều rộng theo thiết kế.
- Cây hàng rào lá xanh, không sâu bệnh, chân hàng rào không có rác, cỏ cây dại.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: 100m²/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hàng rào cao <1m	Hàng rào cao ≥ 1m
CX2.161	Duy trì cây hàng rào	<i>Vật liệu:</i>			
		- Phân vi sinh	kg	6,7	6,7
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	12,15	19,3
				10	20

Ghi chú: Diện tích tính toán theo diện tích mặt trên của hàng rào.

CX2.17100 Trồng dặm cây hàng rào*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây phát triển tốt.

Đơn vị tính: 1m² trồng dặm/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.171	Trồng dặm cây hàng rào	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây giống	bịch	25
		- Nước	m ³	0,15
		- Phân vi sinh	kg	3,6
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3,5/7	công	0,036
				10

CX2.20000 Duy trì cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình**CX2.21000 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo đủ lượng nước cho cây sinh trưởng tốt.

CX2.21100 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước
Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX2.211	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m3	0,5	0,5
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bậc thợ 3/7	công	0,068	0,09
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,061	0,081
				10	20

CX2.21200 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.212	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bậc thợ 3/7	công	0,135
				10

CX2.21300 Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: 100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.213	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,099
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5 m3	ca	0,0297
				10

CX2.22100 Duy trì cây cảnh trồng hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối, không để nặng tán, nghiêng ngả.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo màu sắc tự nhiên, không rồng chết, cây không bị sâu bệnh, đúng chủng loại, gốc cây không có rác.

Đơn vị tính: 100cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.221	Duy trì cây cảnh trồng hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	40
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,44
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	46,35
				10

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình có trồng hoa, định mức nhân công được nhân với hệ số K = 1,1.

CX2.22200 Trồng dặm cây cảnh trở hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng dặm cây cảnh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây trồng được tháo bao có bầu và bầu đất không bị bể, cây phát triển tốt, không gãy thân, cành lá.

Đơn vị tính: 100 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.222	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây giống	cây	100,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	13,5
				10

CX2.23100 Duy trì cây cảnh tạo hình*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa gọn gàng, cân đối không để nặng tán, nghiêng ngả. Sau khi cắt cây không bị trơ cành.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.231	Duy trì cây cảnh tạo hình	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	40
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,33
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	38,52
				10

CX2.30000 Duy trì cây cảnh trồng chậu**CX2.31000 Tưới nước cây cảnh trồng chậu***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ nguồn tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo đủ lượng nước tưới cho cây sinh trưởng tốt.

CX2.31100 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Động cơ xăng 3CV	Động cơ điện 1,5kw
CX2.311	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước	<i>Vật liệu:</i>			
		- Nước	m3	0,3	0,3
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3/7	công	0,045	0,063
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy bơm nước	ca	0,0432	0,0585
				10	20

CX2.31200 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.312	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,3
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,099
				10

CX2.31300 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.313	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	0,3
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3/7	công	0,063
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5 m ³	ca	0,0198
				10

Ghi chú: Bảng mức của các công tác CX2.31100; CX2.31200; CX2.31300 quy định đối với chậu có đường kính 0,6-0,8m ; chậu có đường kính 0,4-0,5m thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số K=0,75; chậu có đường kính 0,3 m thì định mức hao phí điều chỉnh với hệ số K=0,35.

CX2.32100 Thay đất, phân chậu cảnh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- Cắt bớt rễ già, rễ hỏng của cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.321	Thay đất, phân chậu cảnh	<i>Vật liệu:</i>		
		- Đất trồng cây	m ³	2,0
		- Phân vi sinh	kg	20,0
		- Thuốc xử lý đất	kg	10,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	9,0
				10

CX2.33100 Duy trì cây cảnh trồng chậu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cành, bón phân vi sinh, nhổ cỏ dại, làm đất đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây trong chậu không sâu bệnh, màu sắc tươi tự nhiên đặc trưng theo từng loại, không gãy cành, ngọn, không bị rách, vàng úa.
- Gốc cây không có cỏ dại và rác.

Đơn vị tính: 100 chậu/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.331	Duy trì cây cảnh trồng chậu	<i>Vật liệu:</i>		
		- Phân vi sinh	kg	26,0
		- Thuốc trừ sâu	lít	0,33
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	28,8
				10

CX2.34100 Trồng dặm cây cảnh trồng chậu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, bón phân, trồng dặm cây cảnh, tưới nước bảo dưỡng.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thực hiện công việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100 chậu trồng dặm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.341	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	<i>Vật liệu:</i>		
		- Cây giống	cây	100
		- Phân vi sinh	kg	5,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	9,0
				10

CX2.35100 Thay chậu hỏng, vỡ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ cây ra khỏi chậu bị hỏng, vỡ, chuyển sang trồng vào chậu mới, tưới nước bảo dưỡng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Chậu mới không bị hỏng, vỡ, cây trồng trong chậu phát triển tốt.

Đơn vị tính: 100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.351	Thay chậu hỏng, vỡ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chậu cảnh	chậu	100
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	8,0
				10

CX2.41100 Duy trì cây leo*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Làm cỏ xới gốc, rũ giàn, tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây leo phủ đều trên giàn, độ che phủ 2/3 giàn, cây không có cành khô.
- Lá xanh, tươi, không sâu bệnh, gốc cây không có rác, lá cây lưu cữu.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX2.411	Duy trì cây leo	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m3	0,05
		- Phân vi sinh	kg	0,067
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,018
				10

CHƯƠNG III: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT

CX3.10000 Duy trì cây bóng mát

CX3.11100 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Thành phần công việc:

- Tưới nước ướt đầm gốc cây.
- Bón phân gốc cây, sửa tán, tạo hình và tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây có thân thẳng, cân tán, gọn tán, lá cây có màu xanh đặc trưng tùy từng loài; Cây không có cành vươn, cành trời mọc ở thân, cành lệch, tán không vót cao, cây không bị sâu bệnh.

Đơn vị tính: 1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.111	Duy trì cây bóng mát mới trồng	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	2,4
		- Phân vi sinh	kg	6,0
		- Cây chống fỉ 60	cây	3
		- Dây kẽm 1 mm	kg	0,02
		- Vật liệu khác	%	1,5
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	1,044
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5m ³	ca	0,108
				10

CX3.11200 Duy trì cây bóng mát loại 1*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện, tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa cắt dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: 1 cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.112	Duy trì cây bóng mát loại 1	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,02
		- Xăng	lít	0,014
		- Cây chống fi 60	cây	0,2
		- Nẹp gỗ	cây	0,2
		- Đinh	kg	0,005
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,405
				10

CX3.11300 Duy trì cây bóng mát loại 2*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện, tẩy chồi, chống sửa cây nghiêng, vệ sinh quanh gốc cây đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa cắt dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: 1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.113	Duy trì cây bóng mát loại 2	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,02
		- Xăng	lít	0,014
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,55
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 12m	ca	0,038
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,238
				10

CX3.11400 Duy trì cây bóng mát loại 3*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện, gỡ phụ sinh, ký sinh thông thường, vệ sinh quanh gốc cây đúng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: 1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.114	Duy trì cây bóng mát loại 3	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn	kg	0,033
		- Xăng	lít	0,0237
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	5,21
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe thang 15m	ca	0,062
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,396
				10

CX3.21100 Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Tưới nước, phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh, làm cỏ tạp, dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ, trồng dặm cỏ, bón phân hữu cơ thảm cỏ, phòng trừ sâu cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cỏ trong bồn luôn phát triển tốt.
- Diện tích thảm cỏ bình quân 3m²/bồn.

Đơn vị tính: 1 bồn/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CX3.211	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	<i>Vật liệu:</i>		
		- Nước	m ³	2,1
		- Cỏ giống	m ²	0,9
		- Phân vi sinh	kg	0,378
		- Thuốc xử lý đất	kg	0,06
		- Vôi bột	kg	1,8
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	3,65
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Ô tô tưới nước 5 m ³	ca	0,322
		- Máy cắt cỏ động cơ xăng 3CV	ca	0,022
				10

CX3.30000 Giải toả, chặt hạ cành cây, cây gãy đổ**CX3.31100 Giải toả cành cây gãy***Thành phần công việc:*

- Cành giới giao thông.
- Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi

30km.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo sinh trưởng và phát triển, trên cây không còn cành gãy.
- Đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cành/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cành cây d≤20cm	Cành cây d≤50cm	Cành cây d>50cm
CX3.311	Giải toả cành cây gãy	<i>Vật liệu:</i>				
		- Sơn	kg	-	0,025	0,03
		- Vật liệu khác	%	-	1,5	1,5
		<i>Nhân công:</i>				
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,27	1,08	1,8
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,063	0,149	0,18
		- Ô tô tự đổ 2,5T	ca	0,1	0,11	0,12
		- Xe thang 12m	ca		0,024	0,032
				10	20	30

CX3.31200 Giải toả cây gãy, đổ*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch, khảo sát hiện trường, thông báo cắt điện.
- Chuẩn bị dụng cụ lao động giao thông, cảnh giới giao thông.
- Giải toả cây đổ ngã, xử lý cành nhánh, thân cây, đào gốc, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km, san phẳng hố đào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.312	Giải toả cây gãy, đổ	<i>Nhân công:</i>				
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,97	6,3	13,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Xe cẩu tự hành 2,5T	ca	0,211	-	-
		- Xe cẩu tự hành 5T	ca		0,236	0,36
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,27	1,12	2,25
				10	20	30

CX3.31300 Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn*Thành phần công việc:*

- Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.
- Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.
- Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- Thu gọn cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.313	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn	<i>Nhân công:</i>				
		- Bậc thợ 3,5/7	công	2,92	11,43	19,35
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>				
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,5	1,48	2,97
		- Xe thang 12m	ca	-	0,11	-
		- Xe thang 15m	ca	-	-	0,23
		- Xe cầu tự hành 2,5T	ca	0,282	-	-
		- Xe cầu tự hành 5T	ca		0,8	1,24
		- Cần trục ô tô 10T			-	0,33
				10	20	30

Ghi chú:

1/ Cự ly vận chuyển cành lá, cây, gốc cây cho công tác CX3.31100; CX3.31200 và CX3.31300 trung bình 30km về nơi quy định.

2/ Bảng mức của các công tác CX3.11300; CX3.11400; CX3.31100; CX3.31300 áp dụng với xe, máy, thiết bị thi công là xe thang. Trường hợp sử dụng xe nâng thay cho xe thang thì hao phí định mức xe nâng xác định bằng hao phí định mức xe thang và nhân với hệ số điều chỉnh $k=0,8$.

CX3.40000 Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây**CX3.41100 Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây***Thành phần công việc:*

- Khảo sát hiện trường, thông báo với các đơn vị có liên quan, liên hệ cắt điện.

- Chuẩn bị phương tiện, vật liệu, vật liệu phục vụ công tác thi công, bảo vệ cảnh giới an toàn.

- Cắt thấp tán cây, không chế chiều cao, tùy từng loại cây, từng loại cành cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, không chế chiều cao.

- Tháo dỡ phụ sinh đeo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.

- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị lệch tán, cây gọn tán, nhẹ tán, đảm bảo mỹ thuật.

- Hạn chế cây đổ, cành gãy đảm bảo cho người và tài sản.

Đơn vị tính: 1 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.411	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây	<i>Vật liệu:</i> - Sơn	kg	0,027	0,027	0,09
		<i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 3,5/7	công	0,91	1,36	4,53
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe thang 12m	ca	0,135	0,18	
		- Xe thang 15m	ca			0,6
		- Ôtô tự đổ 5T	ca	0,059	0,09	0,29
		- Máy cưa gỗ cầm tay 1,3kw	ca	0,105	0,16	0,54
				10	20	30

Ghi chú: Cự ly vận chuyển cành, lá cây công tác CX3.41100 trung bình 30km về nơi quy định.

CX3.51100 Quét vôi gốc cây*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và a dao.
- Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3 lần/năm.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo vôi bám kín xung quanh bề mặt vị trí quét.

Đơn vị tính: 1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cây loại 1	Cây loại 2	Cây loại 3
CX3.511	Quét vôi gốc cây	<i>Vật liệu:</i>				
		- Vôi	kg	0,16	0,57	1,14
		- A dao	kg	0,003	0,011	0,022
		<i>Nhân công:</i>				
		- Bạc thợ 3/7	công	0,03	0,05	0,113
				10	20	30

MỤC LỤC

Mã hiệu	Nội dung	Trang
	PHẦN I: NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CÂY XANH ĐÔ THỊ	2
	PHẦN II: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT	3
	CHƯƠNG I: DUY TRÌ THẨM CỎ	3
CX1.10000	Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa, tiểu đảo, dải phân cách	3
CX1.11000	Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa	3
CX1.11100	Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước	3
CX1.11200	Tưới nước thẩm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước	3
CX1.12000	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách	4
CX1.12100	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước	4
CX1.12200	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước	4
CX1.21000	Phát cỏ	5
CX1.21100	Phát cỏ bằng máy	5
CX1.21200	Phát cỏ bằng thủ công	5
CX1.31100	Xén lề cỏ	5
CX1.41100	Làm cỏ tạp	6
CX1.51100	Trồng dặm cỏ	6
CX1.61100	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	7
CX1.71100	Bón phân cỏ	7
	CHƯƠNG II: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ	8
CX2.10000	Duy trì bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào	8
CX2.11000	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào	8
CX2.11100	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước	8
CX2.11200	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	8
CX2.11300	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước	9
CX2.12100	Thay hoa bồn hoa	9
CX2.13100	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	10
CX2.14100	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	10
CX2.15100	Duy trì bồn cảnh	11
CX2.16100	Duy trì cây hàng rào	12
CX2.17100	Trồng dặm cây hàng rào	13
CX2.20000	Duy trì cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình	14
CX2.21000	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình	14
CX2.21100	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy	14

	bơm nước	
CX2.21200	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	14
CX2.21300	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	15
CX2.22100	Duy trì cây cảnh trồng hoa	15
CX2.22200	Trồng dặm cây cảnh trồng hoa	16
CX2.23100	Duy trì cây cảnh tạo hình	16
CX2.30000	Duy trì cây cảnh trồng chậu	17
CX2.31000	Tưới nước cây cảnh trồng chậu	17
CX2.31100	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước	17
CX2.31200	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	17
CX2.31300	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước	18
CX2.32100	Thay đất, phân chậu cảnh	18
CX2.33100	Duy trì cây cảnh trồng chậu	19
CX2.34100	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	19
CX2.35100	Thay chậu hỏng, vỡ	20
CX2.41100	Duy trì cây leo	20
	CHƯƠNG III: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT	21
CX3.10000	Duy trì cây bóng mát	21
CX3.11100	Duy trì cây bóng mát mới trồng	21
CX3.11200	Duy trì cây bóng mát loại 1	22
CX3.11300	Duy trì cây bóng mát loại 2	23
CX3.11400	Duy trì cây bóng mát loại 3	24
CX3.21100	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	25
CX3.30000	Giải tỏa, chặt hạ cành cây, cây gãy đổ	26
CX3.31100	Giải tỏa cành cây gãy	26
CX3.31200	Giải tỏa cây gãy, đổ	27
CX3.31300	Chặt hạ cây bị bệnh hoặc già cỗi không đảm bảo an toàn	28
CX3.41100	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây	29
CX3.51100	Quét vôi gốc cây	30

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ**

*(Phụ lục III kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định)*

Năm 2025

PHẦN I**NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT****DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ****1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chiếu sáng đô thị**

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chiếu sáng đô thị quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và xe, máy, thiết bị thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị. Trong đó:

a) Mức hao phí vật liệu:

Là số lượng vật liệu (không kể vật liệu cần dùng cho xe, máy và thiết bị thi công và vật liệu tính trong chi phí chung) cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị. Mức hao phí vật liệu quy định trong tập định mức này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

b) Mức hao phí nhân công:

Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp tương ứng với cấp bậc công việc để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị.

Số lượng ngày công đã bao gồm cả lao động chính, lao động phụ để thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Cấp bậc công nhân trong định mức là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị.

c) Mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công:

Là số ca xe, máy, thiết bị thi công trực tiếp thực hiện và hoàn thành một đơn vị công tác dịch vụ cây xanh đô thị.

2. Kết cấu của tập định mức

Định mức được trình bày theo nhóm, loại công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác dịch vụ chiếu sáng đô thị gồm 2 chương:

- Chương I: Duy trì lưới điện chiếu sáng
- Chương II: Duy trì trạm đèn chiếu sáng

PHẦN II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
CHƯƠNG I
DUY TRÌ LƯỚI ĐIỆN CHIẾU SÁNG

CS1.10000 Thay đèn cao áp, đèn ống

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Cảnh giới đảm bảo giao thông;
- Kiểm tra sửa chữa các chi tiết lưới;
- Tháo và lắp bóng; tháo và lắp kính, lớp đèn;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.11100 Thay bóng cao áp bằng máy

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao cột			
				H < 12m	12m≤ H <18m	18m≤ H <24m	24m≤ H <32m
CS1.111	Thay bóng cao áp bằng máy	<i>Vật liệu:</i>					
		- Bóng cao áp	cái	20	20	20	20
		- Dây điện 1x1	m	6,0	6,0	6,0	6,0
		- Đui đèn	cái	2	2	2	2
		<i>Nhân công:</i>					
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0	5,8	7,5	9,8
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>					
		- Xe nâng 12m	ca	1,1	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	1,2	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	1,3	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	1,45
				10	20	30	40

CS1.12100 Thay bóng cao áp bằng thủ công

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.121	Thay bóng cao áp bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Bóng cao áp	cái	20
		- Dây điện 1x1	m	6,0
		- Đui đèn	cái	2
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	6,0
				10

Ghi chú: Định mức thay bóng cao áp bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột H < 10m

CS1.13100 Thay bóng đèn ống

Đơn vị tính: 20 bóng

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bằng máy	Thủ công
CS1.131	Thay bóng đèn ống	<i>Vật liệu:</i>			
		- Bóng đèn ống	cái	20	20
		- Dây điện 1x1	m	5,0	5,0
		- Đui đèn ống	cái	4	4
		- Tắc te	cái	8	8
		<i>Nhân công</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	3,0	6,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	1,0	-
				10	20

CS1.20000 Thay bộ đèn các loại (không bao gồm đèn cao áp)*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Sửa chữa chi tiết tháo bộ đèn cũ, lắp bộ đèn mới;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.21100 Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp)

Đơn vị tính: 10 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đèn đơn				Lắp kép		
				H<12m	12m≤H<18m	18m≤H<24m	24m≤H<3m	H≤12m	12m≤H<18m	18m≤H<24m
CS1.211	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp)	<i>Vật liệu:</i>								
		- Chóa đèn	cái	10	10	10	10	10	10	10
		- Bóng đèn	cái	10	10	10	10	20	20	20
		<i>Nhân công</i>								
		- Bậc thợ 4/7	công	8,0	9,5	11,5	14,5	14,5	17,5	18,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>								
		- Xe nâng 12m	ca	1,6	-	-	-	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	1,85	-	-	2,1	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	2,1	-	-	2,25	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	2,31	-	-	2,6
				10	20	30	40	50	60	70

Ghi chú: Trường hợp thay chóa đèn hoặc thay bóng đèn bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số k=0,75.

CS1.22100 Thay bộ đèn bằng thủ công (không bao gồm đèn cao áp)

Đơn vị tính: 10 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.221	Thay bộ đèn bằng thủ công (không bao gồm đèn cao áp)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chóa đèn	cái	10
		- Bóng đèn	cái	10
		<i>Nhân công</i>		
		- Bậc thợ 4/7	công	16,0
				10

Ghi chú: Định mức thay bộ đèn cao áp bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột $H < 10m$; Trường hợp thay chóa đèn hoặc thay bóng đèn bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=0,8$.

CS1.30000 Thay chân lưu, bộ môi, bộ tiết kiệm điện và bóng đèn

CS1.31100 Thay chân lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng máy

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Tháo vỏ chóa, chân lưu, bộ môi, bóng đèn cũ;
- Thay chân lưu mới, bộ môi mới, bóng đèn mới;
- Lắp vỏ chóa, đấu điện, kiểm tra;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao cột			
				$H < 12m$	$12m \leq H < 18m$	$18m \leq H < 24m$	$24m \leq H < 30m$
CS1.311	Thay chân lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng máy	<i>Vật liệu:</i>					
		- Chân lưu	cái	1	1	1	1
		- Bộ môi	cái	1	1	1	1
		- Bóng đèn	cái	1	1	1	1
		- Dây điện 1x1	m	0,3	0,3	0,3	0,3
		- Đui đèn	cái	0,1	0,1	0,1	0,1
		<i>Nhân công:</i>					
		- Bạc thợ 4/7	công	0,81	1,34	1,66	1,9
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>					
		- Xe nâng 12m	ca	0,2	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	0,21	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	0,25	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	0,3
				10	20	30	40

Ghi chú:

1/ Trường hợp thay chân lưu (hoặc bộ môi) và bóng đèn bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số $k=0,8$.

2/ Trường hợp thay chân lưu (hoặc bộ môi hoặc bộ tiết kiệm điện) bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số $k=0,75$.

CS. 1.32100 Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng thủ công*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Tháo vỏ chóa, chấn lưu, bộ mối, bóng đèn cũ;
- Thay chấn lưu mới, bộ mối mới, bóng đèn mới;
- Lắp vỏ chóa, đấu điện, kiểm tra;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.321	Thay chấn lưu, bộ mối và bóng đèn đồng bộ bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Chấn lưu	cái	1
		- Bộ mối	cái	1
		- Bóng đèn	cái	1
		- Dây điện 1x1	m	0,3
		- Đui đèn	cái	0,1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	1,2
				10

Ghi chú:

1/ Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ mối) và bóng đèn bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=0,8$.

2/ Trường hợp thay chấn lưu (hoặc bộ mối hoặc bộ tiết kiệm điện) bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=0,75$.

3/ Định mức thay chấn lưu, bộ mối, bộ tiết kiệm điện và bóng đèn bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột $H < 10m$.

CS1.40000 Thay xà, thay cần đèn các loại**CS1.41000 Thay các loại xà***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Kiểm tra xà, lĩnh vật liệu, xin cắt điện;
- Tháo dây và lắp dây hoặc cáp (khoảng 2 dây hoặc cáp);
- Giám sát an toàn, sửa chữa hệ thống dây khác trên cột;
- Tháo xà cũ, lắp xà mới, lắp sứ trên xà (đối với các loại xà có sứ);
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.41100 Thay bộ xà đơn dài >1m có sứ bằng máy

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.411	Thay bộ xà đơn dài >1m có sứ bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Xà đơn dài > 1 m	bộ	1
		- Sứ 102	cái	4
		- Bulông 18x250	cái	2
		- Dây đồng Φ 1,2mm - 2mm	m	2,4
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	2,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,16
				10

Ghi chú: Trường hợp thay bộ xà kép dài >1m có sứ bằng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số k=1,25.

CS1.41200 Thay bộ xà đơn dài ≤1m có sứ bằng máy

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.412	Thay bộ xà đơn dài ≤1m có sứ bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Xà đơn dài ≤1m	bộ	1
		- Sứ 102	cái	4
		- Bulông 18x250	cái	2
		- Dây đồng Φ 1,2mm - 2mm	m	12
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	1,50
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,16
				10

Ghi chú: Trường hợp thay bộ xà kép dài $\leq 1\text{m}$ có sử dụng máy thì định mức hao phí nhân công và định mức hao phí xe, máy, thiết bị thi công điều chỉnh với hệ số $k=1,25$.

CS1.41300 Thay bộ xà đơn dài $>1\text{m}$ không sử dụng dây

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng máy	Thủ công
CS1.413	Thay bộ xà đơn dài $> 1\text{ m}$ không sử dụng dây	<i>Vật liệu:</i>			
		- Xà dài $>1\text{m}$	bộ	1	1
		- Bulông 18x250	cái	2	2
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	1,50	2,50
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,12	-
				10	20

CS1.41400 Thay bộ xà đơn dài $\leq 1\text{m}$ không sử dụng dây

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng máy	Thủ công
CS1.414	Thay bộ xà đơn dài $\leq 1\text{m}$ không sử dụng dây	<i>Vật liệu:</i>			
		- Xà dài $\leq 1\text{m}$	bộ	1	1
		- Bulông 18x250	cái	2	2
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	1,2	2,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,12	-
				10	20

CS1.42000 Thay các loại cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Kiểm tra cần, chụp cột, chụp cột liền cần, lĩnh vật liệu, xin cắt điện;
- Tháo chụp, cần cũ;
- Lắp chụp đầu cột, cần mới, lắp sứ, kéo lèo, giám sát;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.42100 Thay cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép bằng máy

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Loại cần, chụp	
				Cần chữ L hoặc cần chữ S	Chụp liền cần hoặc Chụp ống phóng đơn, kép
CS1.421	Thay cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép bằng máy	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cần chữ L hoặc chữ S	cái	1	-
		- Chụp liền cần hoặc chụp ống phóng đơn, kép	cái	-	1
		- Tay bắt cần	cái	1	-
		- Bulông M18x250	cái	4	-
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	2,0	2,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,17	0,20
				10	20

CS1.42200 Thay cần đèn cao áp bằng thủ công

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cần chữ L hoặc cần chữ S
CS1.422	Thay cần đèn cao áp bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i> - Cần chữ L hoặc Cần chữ S - Bulông M18x250 <i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 4/7	cái cái công	1 4 3,25
				10

CS1.42300 Thay cần đèn chao cao áp

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bằng máy	Thủ công
CS1.423	Thay cần đèn chao cao áp	<i>Vật liệu:</i> - Cần đèn chao cao áp - Bulông M18x250 <i>Nhân công:</i> - Bạc thợ 4/7 <i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i> - Xe nâng 12m	bộ cái công ca	1,0 4 2,0 0,2	1 4 2,5 -
				10	20

CS1.50000 Thay dây lên đèn bằng máy, thay cáp treo, cáp ngầm, thay tủ điện, thay cột đèn.

CS1.51100 Thay dây lên đèn bằng máy

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Hạ dây cũ, luồn cửa cột;
- Kéo dây mới, đóng điện, kiểm tra.
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.511	Thay dây lên đèn bằng máy	<i>Vật liệu:</i>		
		- Dây 2x2,5 mm ²	m	40,6
		- Băng dính	cuộn	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	3,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,50
				10

CS1.52000 Thay cáp treo, cáp ngàm**CS1.52100 Thay cáp treo***Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;

- Hạ cáp cũ;

- Treo lại dây văng, treo cáp, đấu hoàn chỉnh;

- Giám sát an toàn, hoàn thiện;

- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bảng máy	Thủ công
CS1.521	Thay cáp treo bằng máy	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cáp treo	m	40,6	40,6
		- Dây văng ϕ 4	m	40,6	40,6
		- Dây ϕ 1,5	kg	0,7	0,7
		- Băng dính	cuộn	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0	7,2
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,50	-
				10	20

CS1.52200 Thay cáp ngầm*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, máy móc đến vị trí lắp đặt;
- Tháo đầu nguồn luôn cửa cột;
- Dùng máy cắt bê tông cắt mặt đường, đào rãnh, thay cáp, rải cáp mới, luôn cửa cột;
- Xử lý hai đầu cáp khô, san lấp rãnh cáp, đầm chặt, đặt lưới bảo vệ, vận chuyển đất thừa;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 40m

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thi công trên loại đường	
				Hè phố	Đường nhựa, bê tông
CS1.522	Thay cáp ngầm	<i>Vật liệu:</i>			
		- Cáp ngầm	m	40,6	40,6
		- Đầu cốt	cái	8	8
		- Băng dính	cuộn	2	2
		- Lưới bảo vệ 40x50	m2	20	20
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	25,0	32,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy cắt bê tông	ca	-	
		7,5kw			0,70
				10	20

Ghi chú: Định mức trên chưa bao gồm công tác hoàn trả hè đường.

CS1.52300 Nối cáp ngầm*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển dụng cụ, vật liệu, phương tiện đến vị trí lắp đặt;
- Đào đất, xử lý đầu cáp, làm hộp nối;
- Kiểm tra, lấp đất, thu dọn vệ sinh;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 mỗi nối

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thi công trên loại đường	
				Hề phố	Đường nhựa, bê tông
CS1.523	Nối cáp ngầm	<i>Vật liệu:</i>			
		- Hộp nối cáp ngầm	hộp	1	1
		- Nhựa bitum	kg	7	7
		- Băng vải	cuộn	2	2
		- Băng vải cách điện	cuộn	2	2
		- Cui	kg	7	7
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0	4,5
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Máy cắt bê tông 7,5kw	ca	-	0,25
				10	20

CS1.53100 Thay tủ điện*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo tủ cũ;
- Tháo đầu đầu, đầu kiểm tra;
- Giám sát an toàn, hoàn thiện;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 tủ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.531	Thay tủ điện	<i>Vật liệu:</i>		
		- Tủ điện	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 4/7	công	4,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,20
				10

CS1.54100 Thay cột đèn*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, tháo hạ dây, hạ cần, hạ lớp;
- Đào hố nhỏ cột, thu hồi cột cũ;
- Nhận vật liệu, trồng cột mới;
- Lắp xà, đèn, chụp, dây;
- San lấp hố móng, đánh số cột, vệ sinh bàn giao.

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cột BT li tâm, cột BT chữ H	Cột sắt
CS1.541	Thay cột đèn	<i>Vật liệu:</i>			
		- Bê tông M150	m3	1,1	0,8
		- Cột đèn	cái	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	12,0	10,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>			
		- Cần trục ô tô 3T	ca	1,0	1,0
		- Xe nâng 12m	ca	0,50	0,50
		- Xe tải thùng 5T	ca	0,50	0,50
				10	20

CS1.60000 Công tác sơn*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, cạo gỉ, sơn 3 nước (1 nước chống gỉ, 2 nước sơn bóng);
- Đánh số cột;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

CS1.61100 Sơn cột sắt (có chiều cao 8 ÷ 9,5m)

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.611	Sơn cột sắt (có chiều cao 8 ÷ 9,5m)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,7
		- Sơn bóng	kg	1,5
		- Chổi sơn	cái	1
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,50
				10

CS1.62100 Sơn chụp, sơn cần đèn

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.621	Sơn chụp, sơn cần đèn	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,33
		- Sơn bóng	kg	0,70
		- Chổi sơn	cái	0,30
		<i>Nhân công</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	1,20
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,30
				10

CS1.63100 Sơn cột đèn chùm

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bằng máy	Thủ công
CS1.631	Sơn cột đèn chùm	<i>Vật liệu:</i>			
		- Sơn chống gỉ	kg	0,5	0,5
		- Sơn bóng	kg	1	1
		- Chổi sơn	cái	1	1
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,0	4,0
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,40	-
				10	20

Ghi chú:

1/ Định mức hao phí sơn cột đèn chùm bằng máy áp dụng với chiều cao cột đèn $H > 4m$.

2/ Định mức hao phí sơn cột đèn chùm bằng thủ công áp dụng với chiều cao cột đèn $H \leq 4m$.

CS1.64100 Sơn cột đèn 1 cầu, đèn chùa, đèn vương miện bằng thủ công

Đơn vị tính: 1 cột

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.641	Sơn cột đèn 1 cầu, đèn chùa, đèn vương miện bằng thủ công	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,35
		- Sơn bóng	kg	0,7
		- Chổi sơn	cái	1,0
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1,0
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	3,0
				10

CS1.65100 Sơn tủ điện (bao gồm cả sơn giá đỡ tủ)

Đơn vị tính: 1 tủ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.651	Sơn tủ điện (bao gồm cả sơn giá đỡ tủ)	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sơn chống gỉ	kg	0,8
		- Sơn bóng	kg	1,6
		- Chổi sơn	cái	1
		- Bàn chải sắt (hoặc giấy nháp)	cái (tờ)	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	2,0
				10

CS1.71100 Thay sứ cũ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, vật liệu, cắt điện;
- Tháo sứ cũ, lắp sứ mới, kéo lại dây;
- Kiểm tra đóng điện, giám sát an toàn;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 quả sứ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS1.711	Thay sứ cũ	<i>Vật liệu:</i>		
		- Sứ	cái	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,37
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>		
		- Xe nâng 12m	ca	0,10
				10

CS1.81100 Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy.

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo choá, kiểm tra tiếp xúc;
- Vệ sinh choá đèn cao áp, vệ sinh kính đèn cao áp; vệ sinh đèn cầu, đèn lồng;
- Lắp choá, giám sát an toàn;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều cao cột			
				H<12m	12m≤ H<18m	18m≤ H<24m	24m≤ H<30m
CS1.811	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy	<i>Vật liệu:</i>					
		- Giẻ lau	cái	1	1	1	1
		- Xà phòng	kg	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công:</i>					
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,3	0,4	0,5	0,6
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công:</i>					
		- Xe nâng 12m	ca	0,07	-	-	-
		- Xe nâng 18m	ca	-	0,08	-	-
		- Xe nâng 24m	ca	-	-	0,09	-
		- Xe nâng 32m	ca	-	-	-	0,11
				10	20	30	40

CS1.91100 Thay quả cầu nhựa hoặc quả cầu thủy tinh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật liệu đến địa điểm thay thế;
- Sửa chữa chi tiết đầu, tháo lắp cầu nhựa (hoặc quả cầu thủy tinh);
- Giám sát an toàn.

Đơn vị tính: 1 quả

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bằng máy	Thủ công
CS1.911	Thay quả cầu nhựa hoặc quả cầu thủy tinh	<i>Vật liệu:</i>			
		- Quả cầu nhựa (hoặc quả cầu thủy tinh)	quả	1	1
		<i>Nhân công:</i>			
		- Bạc thợ 3,5/7	công	0,60	1,08
		<i>Xe, máy, thiết bị thi công :</i>			
		- Xe nâng 12m	ca	0,10	
				10	20

CHƯƠNG II

DUY TRÌ TRẠM ĐÈN CHIẾU SÁNG

CS2.10000 Duy trì trạm đèn bằng đồng hồ hẹn giờ hoặc bằng thiết bị trung tâm điều khiển và giám sát

Thành phần công việc:

- Hàng ngày đóng, ngắt, kiểm tra lưới đèn;
- Vệ sinh bảo dưỡng thiết bị điện, kiểm tra máy, kiểm tra tín hiệu trực máy;
- Kiểm tra lưới đèn, ghi chép kết quả đèn sáng, đèn tối;
- Xử lý sự cố nhỏ: tra chì, đấu tiếp xúc, báo công tơ điện mất nguồn;
- Đọc chỉ số đồng hồ công tơ điện;
- Kiến nghị sửa chữa thay thế.

CS2.11100 Duy trì trạm 1 chế độ

Đơn vị tính: 1 trạm/ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.111	Duy trì trạm 1 chế độ	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ 4/7	công	0,22
				10

CS2.12100 Duy trì trạm 2 chế độ

Đơn vị tính: 1 trạm/ngày

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.121	Duy trì trạm 2 chế độ	<i>Nhân công:</i> - Bậc thợ 4/7	công	0,26
				10

Ghi chú:

1/ Trường hợp duy trì trạm 1 chế độ bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=1,4$.

2/ Trường hợp duy trì trạm 2 chế độ bằng thủ công thì định mức hao phí nhân công điều chỉnh với hệ số $k=1,4$.

3/ Định mức duy trì trạm đèn công cộng quy định tại các bảng trên tương ứng với chiều dài tuyến trạm = 1500m và trạm trên đường phố. Khi chiều dài tuyến trạm khác với khoảng cách trên và có vị trí khác thì định mức điều chỉnh như sau:

Chiều dài tuyến trạm 1500 ÷ 3000m: $K_1 = 1,1$;

Chiều dài tuyến trạm > 3000m: $K_1 = 1,2$

Chiều dài tuyến trạm 1000 ÷ 1500m: $K_1 = 0,9$

Chiều dài tuyến trạm 500 ÷ 1000m: $K_1 = 0,8$;

Chiều dài tuyến trạm < 500m: $K_1 = 0,5$;

Trạm trong ngõ xóm nội thành: $K_v = 1,2$;

Trạm trong khu tập thể dân cư nội thành: $K_v = 1,1$;

thành:

Trạm ngoại thành: $K_v = 1,2$

CS2.20000 Thay thế thiết bị trung tâm điều khiển**CS2.21100 Thay modem; thay bộ điều khiển PLC MASTER; thay bộ điều khiển PLC, RTU; thay bộ đo điện áp và dòng điện (Tranducer);***Thành phần công việc:*

- Kiểm tra thiết bị cũ;
- Lĩnh vật liệu, tháo thiết bị cũ;
- Lắp và đấu thiết bị mới;
- Cấu hình cho thiết bị;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện.

Đơn vị tính: 01 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.211	Thay modem; thay bộ điều khiển PLC MASTER; thay bộ điều khiển PLC, RTU; thay bộ đo điện áp và dòng điện (Tranducer)	<i>Vật liệu</i> - Thiết bị	bộ	1
		<i>Nhân công:</i> - Kỹ sư bậc 4/8	công	0,50
				10

CS2.22100 Thay bộ đo dòng điện (TI)*Thành phần công việc:*

- Kiểm tra bộ đo dòng điện cũ;
- Lĩnh vật liệu, tháo bộ đo dòng điện cũ;
- Lắp và đấu bộ đo dòng điện mới;
- Nạp chương trình phần mềm;
- Cấu hình cho bộ đo dòng điện mới;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.221	Thay bộ đo dòng điện (TI)	<i>Vật liệu</i>		
		- Bộ đo dòng điện (TI)	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	0,50
				10

CS2.23100 Thay bộ đo dòng điện Coupler*Thành phần công việc:*

- Kiểm tra Coupler cũ;
- Lĩnh vật liệu, tháo Coupler cũ;
- Lắp và đấu Coupler mới;
- Đo và kiểm tra tín hiệu truyền thông giữa 2 trạm (tại Coupler);
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ tủ khu vực và từ trung tâm;

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Ngoài lưới	Trong tủ điều khiển
CS2.231	Thay bộ đo dòng điện Coupler	Vật liệu	bộ	1	1
		- Coupler			
		Nhân công:	công	1,0	0,50
		- Kỹ sư bậc 4/8			
		Xe, máy, thiết bị thi công:	ca	0,36	
		- Xe nâng 12m			
				10	20

CS2.24100 Thay tủ điều khiển khu vực*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị mặt bằng, tháo tủ cũ;
- Tháo đầu đầu, đầu kiểm tra;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ trung tâm;
- Vệ sinh, dọn dẹp hiện trường.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.241	Thay tủ điều khiển khu vực	<i>Vật liệu</i>	bộ	1
		- Tủ điều khiển khu vực		
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	2,0
				10

CS2.30000 Duy trì giám sát trung tâm điều khiển**CS2.31100 Thay thế phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng***Thành phần công việc:*

- Tháo phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng cũ;
- Khoan lắp các thiết bị mới trên vào giá;
- Đi lại dây điện;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ trung tâm.

Đơn vị tính: 1 bộ

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.311	Thay thế phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng	<i>Vật liệu</i>		
		- Bộ điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng	bộ	1
		<i>Nhân công:</i>		
		- Kỹ sư bậc 4/8	công	1,50
				10

CS2.32100 Xử lý mất truyền thông tin (tín hiệu) giữa các tủ.*Thành phần công việc:*

- Đo kiểm tra tín hiệu giữa các tủ;
- Phân đoạn kiểm tra đường truyền thông;
- Kiểm tra chọn lại đường truyền thông;
- Đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ khu vực và từ trung tâm.

Đơn vị tính: 1 lần xử lý

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.321	Xử lý mất truyền thông tin (tín hiệu) giữa các tủ.	<i>Nhân công:</i> - Kỹ sư bậc 4/8	công	1,0
				10

CS2.33100 Lựa chọn pha truyền thông để đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ (do thay TBA, thay cáp nguồn).

Thành phần công việc:

- Kiểm tra điện áp pha cấp vào RTU;
- Kiểm tra lại chất lượng tín hiệu từ khu vực và từ trung tâm.

Đơn vị tính: 1 lần lựa chọn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.331	Lựa chọn pha truyền thông để đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ (do thay TBA, thay cáp nguồn).	<i>Nhân công:</i> - Kỹ sư bậc 4/8	công	0,50
				10

CS2.34100 Thay mạch hiển thị (board mạch) trên bảng hiển thị

Thành phần công việc:

- Tháo bảng hiển thị, tháo board mạch cũ;
- Lắp đặt board mạch mới;
- Đấu điện hoạt động thử, hoàn thiện;
- Kiểm tra lại tín hiệu từ máy tính đến bản hiển thị.

Đơn vị tính: 1 lần lựa chọn

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.341	Thay mạch hiển thị (board mạch) trên bảng hiển thị	<i>Vật liệu</i> - Mạch hiển thị <i>Nhân công:</i> - Kỹ sư bậc 4/8	bộ công	1 0,50
				10

CS2.35100 Xử lý sự cố máy tính tại trung tâm

Thành phần công việc:

- Cài đặt phần mềm trên máy tính;
- Kiểm tra đồng bộ tín hiệu với bảng hiển thị và các tủ khu vực.

Đơn vị tính: 1 lần xử lý

Mã hiệu	Tên công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
CS2.351	Xử lý sự cố máy tính tại trung tâm	<i>Nhân công:</i> - Kỹ sư bậc 4/8	công	1,0
				10

MỤC LỤC

Mã Hiệu	Nội dung	Trang
	PHẦN I. NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ	2
	PHẦN II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT	3
	CHƯƠNG I. DUY TRÌ LƯỚI ĐIỆN CHIẾU SÁNG	3
CS1.10000	Thay đèn cao áp, đèn ống	3
CS1.11100	Thay bóng cao áp bằng máy	3
CS1.12100	Thay bóng cao áp bằng thủ công	4
CS1.13100	Thay bóng đèn ống	4
CS1.20000	Thay bộ đèn các loại (không bao gồm đèn cao áp)	5
CS1.21100	Thay bộ đèn bằng máy (không bao gồm đèn cao áp)	5
CS1.22100	Thay bộ đèn bằng thủ công (không bao gồm đèn cao áp)	5
CS1.30000	Thay chấn lưu, bộ môi, bộ tiết kiệm điện và bóng đèn	6
CS1.31100	Thay chấn lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng máy	6
CS1.32100	Thay chấn lưu, bộ môi và bóng đèn đồng bộ bằng thủ công	7
CS1.40000	Thay xà, thay cần đèn các loại	8
CS1.41000	Thay các loại xà	8
CS1.41100	Thay bộ xà đơn dài >1 m có sứ bằng máy	8
CS1.41200	Thay bộ xà đơn dài ≤ 1m có sứ bằng máy	8
CS1.41300	Thay bộ xà đơn dài >1m không sứ, không dây	9
CS1.41400	Thay bộ xà đơn dài ≤1m không sứ, không dây	9
CS1.42000	Thay các loại cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép	10
CS1.42100	Thay cần đèn cao áp, chụp liền cần, chụp ống phóng đơn, chụp ống phóng kép bằng máy	10
CS1.42200	Thay cần đèn cao áp bằng thủ công	11
CS1.42300	Thay cần đèn chao cao áp	11
CS1.50000	Thay dây lên đèn bằng máy, thay cáp treo, cáp ngầm, thay tủ điện, thay cột đèn	12
CS1.51100	Thay dây lên đèn bằng máy	12

CS1.52000	Thay cáp treo, cáp ngàm	13
CS1.52100	Thay cáp treo	13
CS1.52200	Thay cáp ngàm	14
CS1.52300	Nối cáp ngàm	15
CS1.53100	Thay tủ điện	16
CS1.54100	Thay cột đèn	16
CS1.60000	Công tác sơn	17
CS1.61100	Sơn cột sắt (có chiều cao $8 \div 9,5\text{m}$)	17
CS1.62100	Sơn chụp, sơn cần đèn	17
CS1.63100	Sơn cột đèn chùm	18
CS1.64100	Sơn cột đèn 1 cầu, đèn chùa, đèn vương miện bằng thủ công	18
CS1.65100	Sơn tủ điện (bao gồm sơn giá đỡ tủ)	19
CS1.71100	Thay sứ cũ	19
CS1.81100	Duy trì choá đèn cao áp, kính đèn cao áp, đèn cầu, đèn lồng bằng máy.	20
CS1.91100	Thay quả cầu nhựa hoặc thủy tinh	21
	CHƯƠNG II. DUY TRÌ TRẠM ĐÈN CHIẾU SÁNG	22
CS2.10000	Duy trì trạm đèn bằng đồng hồ hẹn giờ hoặc bằng thiết bị trung tâm điều khiển và giám sát	22
CS2.11100	Duy trì trạm 1 chế độ	22
CS2.12100	Duy trì trạm 2 chế độ	22
CS2.20000	Thay thế thiết bị trung tâm điều khiển	23
CS2.21100	Thay modem; thay bộ điều khiển PLC MASTER; thay bộ điều khiển PLC, RTU; thay bộ đo điện áp và dòng điện (Tranducer)	23
CS2.22100	Thay bộ đo dòng điện (TI)	23
CS2.23100	Thay bộ đo dòng điện Coupler	24
CS2.24100	Thay tủ điều khiển khu vực	24
CS2.30000	Duy trì giám sát trung tâm điều khiển	25
CS2.31100	Thay thế phần điều khiển giám sát trung tâm tại tủ điều khiển chiếu sáng	25
CS2.32100	Xử lý mất truyền thông tin (tín hiệu) giữa các tủ	25

CS2.33100	Lựa chọn pha truyền thông để đồng bộ hóa tín hiệu giữa các tủ (do thay TBA, thay cáp nguồn).	26
CS2.34100	Thay mạch hiển thị (board mạch) trên bảng hiển thị	26
CS2.35100	Xử lý sự cố máy tính tại trung tâm	26